

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2024/DS-ST

Ngày 19-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mỹ Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Âu Thị N; Sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp CK, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn:

1.Bà Phan Thị M (vắng mặt)

2.Ông Trần Văn B (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp CK, xã HTK, huyện Thới Bình, Cà Mau.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lâm Thanh O, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp CK, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2024 cũng như tại phiên tòa bà Âu Thị N trình bày:*

Vợ chồng bà N, ông O và vợ chồng ông Trần Văn B, bà Phan Thị M có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau do ông O và bà N làm chủ hụi, cụ thể gồm các dây hụi như sau:

Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 06/3/2012 âm lịch, vợ chồng ông B, bà M tham gia 01 chung.

Hụi 500.000 đồng, mở ngày 25/6/2011 âm lịch (dây A), vợ chồng ông B, bà M tham gia 01 chung.

Hụi 500.000 đồng, mở ngày 25/6/2011 âm lịch (dây B), vợ chồng ông B, bà M tham gia 02 chung.

Hụi 500.000 đồng, mở ngày 06/10/2011 âm lịch, vợ chồng ông B, bà M tham gia 02 chung.

Hụi 500.000 đồng, mở ngày 06/4/2011 âm lịch, vợ chồng ông B, bà M tham gia 01 chung.

Các dây hụi trên đã mãn vào năm 2014, vợ chồng ông B, bà M đã hót xong hụi nhưng chưa đóng hụi chết lại đủ cho vợ chồng bà N, ông O. Đến ngày 04/01/2014 hai bên gặp nhau đối chiếu lại số tiền nợ thì vợ chồng ông B, bà M còn nợ vợ chồng bà N, ông O số tiền 48.000.000 đồng. Vợ chồng ông B, bà M có viết biên nhận ngày 04/01/2014 và hứa thanh toán 1.500.000 đồng/tháng nhưng đến nay vợ chồng ông B, bà M không thực hiện.

Nay bà N yêu cầu vợ chồng ông B, bà M thanh toán cho vợ chồng bà N tổng số tiền hụi còn nợ lại là 48.000.000 đồng.

**Tại phiên tòa ông Lâm Thanh O trình bày:*

Ông thống nhất theo trình bày và yêu cầu của vợ là bà Âu Thị N. Do ông O và bà N là vợ chồng nên danh sách hụi do ông đứng tên nhưng thực tế hụi là do bà

N gom các hội viên. Số tiền vợ chồng ông B, bà M nợ 48.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng ông O. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà M, ông B hoàn trả cho vợ chồng ông số tiền hội nợ là 48.000.000 đồng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án cũng như quá trình thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ cho rằng yêu cầu của bà N là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N. Buộc vợ chồng bà M, ông B hoàn trả cho vợ chồng bà N, ông O tổng số tiền hội còn nợ là 48.000.000 đồng. Án phí sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Âu Thị N khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị M và ông Trần Văn B có nghĩa vụ thanh toán nợ hội nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hội; bà M, ông B có địa chỉ cư trú tại ấp CK, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M, ông B nhưng ông bà vắng mặt tại lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M, ông B theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa bà N, ông O yêu cầu ông B và bà M có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà N tổng số tiền hội còn nợ là 48.000.000 đồng theo biên bản nhận ngày 04/01/2014.

Xét thấy yêu cầu của vợ chồng bà N, ông O là có cơ sở. Bởi vì, khi tham gia góp hội có lập danh sách hội và có xác nhận của đại diện địa phương nên hợp đồng

góp hụi giữa vợ chồng bà N, ông O với vợ chồng bà M, ông B là thực tế có xảy ra. Đồng thời tại biên nhận đề ngày 04/01/2014 bà M có thừa nhận nội dung có nợ tiền hụi vợ chồng bà N, ông O là 48.000.000 đồng và mỗi tháng sẽ gửi trả 1.500.000 đồng là phù hợp với lời khai của vợ chồng bà N tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý về việc bà N yêu cầu vợ chồng bà M, ông B thanh toán nợ hụi còn lại 48.000.000 đồng theo biên nhận đề ngày 04/01/2014 nhưng ông bà không có văn bản ý kiến và vắng mặt tại buổi hòa giải, xét xử không có lý do.

Từ những căn cứ nêu trên buộc bà M, ông B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N, ông O số tiền hụi còn nợ theo biên nhận ngày 04/01/2014 với tổng số tiền là 48.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M, ông B phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Phan Thị M và ông Trần Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Âu Thị N và ông Lâm Thanh O tổng số tiền hụi còn nợ là 48.000.000 đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Âu Thị N, ông Lâm Thanh O (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Phan Thị M và ông Trần Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị M và ông Trần Văn B phải nộp 2.400.000 đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Bà Âu Thị N, ông Lâm Thanh O không phải chịu án phí. Vào ngày 05/7/2024 bà N có dự nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.200.000 đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016326 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Phi Hùng – Hồ Lệ Hoa

Nguyễn Kiều Trang